

Số: 551 /QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 01 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực
Nông nghiệp và Môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 64/TTr-SNNMT ngày 24/7/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã (đính kèm danh mục và 13 phụ lục quy trình).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (b/c);
- Bộ NN&MT (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: LĐ, XDND, KT;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Trung tâm CB và Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, LH. NTL

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trịnh Minh Hoàng

Trịnh Minh Hoàng

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THUỘC PHẠM VI CHỨC
NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 551/QĐ-UBND ngày 01/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)

STT	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH	
I	LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT	
1	Công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật. Mã số TTHC: 2.001236	Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	Cấp giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật- Mã số TTHC: 1.003971	-Nhu trên-
3	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc Bảo vệ thực vật. Mã TTHC: 1.004493	-Nhu trên-
4	Cấp Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón. Mã TTHC: 1.007926	-Nhu trên-
5	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón. Mã TTHC: 1.007927	-Nhu trên-
6	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón. Mã TTHC: 1.007928	-Nhu trên-
7	Cấp Giấy phép nhập khẩu phân bón. Mã TTHC: 1.007929	-Nhu trên-
8	Cấp thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật. Mã TTHC: 1.004546	-Nhu trên-
9	Cấp Giấy chứng nhận kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng. Mã số TTHC: 1.012062	-Nhu trên-
10	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm có nguồn gốc thực vật xuất khẩu. Mã số TTHC: 1.003395	-Nhu trên-
II	LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT	
1	Công nhận các tiêu chuẩn Thực hành nông nghiệp tốt khác (GAP khác) cho áp dụng để được hưởng chính sách hỗ trợ trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản. Mã số TTHC: 1.010090	Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	Cấp, cấp lại Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng. Mã số TTHC: 1.007998	-Nhu trên-
3	Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng. Mã số TTHC: 1.012072	-Nhu trên-

4	Sửa đổi, đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực của quyết định chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ. Mã số TTHC: 1.012071	-Nhu trên-
5	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng. Mã số TTHC: 1.012073	-Nhu trên-
6	Chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ theo quyết định bắt buộc. Mã số TTHC: 1.012070	-Nhu trên-
7	Ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng. Mã số TTHC: 1.012063	-Nhu trên-
8	Ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng. Mã số TTHC: 1.012064	-Nhu trên-
9	Cấp Giấy chứng nhận kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng. Mã số TTHC: 1.012062	-Nhu trên-
10	Đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định quyền đối với giống cây trồng. Mã số TTHC: 1.011998	-Nhu trên-
11	Cấp phép nhập khẩu giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế (bao gồm cả giống cây trồng biến đổi gen được nhập khẩu với mục đích khảo nghiệm để đăng ký cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng). Mã số TTHC: 1.007999	-Nhu trên-
12	Cấp phép xuất khẩu giống cây trồng và hạt lai của giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành và không thuộc Danh mục nguồn gen giống cây trồng cấm xuất khẩu phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế không vì mục đích thương mại. Mã số TTHC: 1.007994	-Nhu trên-
III	LĨNH VỰC CHĂN NUÔI	
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi. Mã số TTHC: 1.008126	Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi. Mã số TTHC: 1.008127	Nhu trên

3	Cấp Giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Mã số TTHC: 1.008122	Như trên
4	Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung sản xuất trong nước. Mã số TTHC: 3.000127	Như trên
5	Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung nhập khẩu. Mã số TTHC: 3.000128	Như trên
6	Công bố lại thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung. Mã số TTHC: 3.000129	Như trên
7	Thay đổi thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung. Mã số TTHC: 3.000130	Như trên
8	Đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu. Mã số TTHC: 1.008124	Như trên
9	Miễn giảm kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu. Mã số TTHC: 1.008125	Như trên
10	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi. Mã số TTHC: 1.011031	Như trên
11	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi. Mã số TTHC: 1.011032	Như trên
12	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn. Mã số TTHC: 1.008128	Quyết định số 1080/QĐ-UBND ngày 23/4/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
13	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn. Mã số TTHC: 1.008129	Như trên
14	Đề xuất hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công. Mã số TTHC: 1.012832	Như trên
15	Quyết định hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công. Mã số TTHC: 1.012833	Quyết định số 1192/QĐ-UBND ngày 07/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
16	Quyết định hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước sách nhà nước. Mã số TTHC: 1.012834	Như trên
17	Đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi. Mã số TTHC: 1.012835	Quyết định số 1452/QĐ-UBND ngày 02/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
IV	LĨNH VỰC THÚ Y	

1	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký). Mã số TTHC: 1.002373	Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y. Mã số TTHC: 1.004022	Như trên
3	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trừ cơ sở an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu). Mã số TTHC: 1.011475	Như trên
4	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trừ cơ sở an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu). Mã số TTHC: 1.011477	Như trên
5	Cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (trừ vùng an toàn dịch bệnh cấp tỉnh và vùng an toàn dịch bệnh phục vụ xuất khẩu). Mã số TTHC: 1.011478	Như trên
6	Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (trừ vùng an toàn dịch bệnh cấp tỉnh và vùng an toàn dịch bệnh phục vụ xuất khẩu). Mã số TTHC: 1.011479	Như trên
7	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp Tỉnh. Mã số TTHC: 2.000873	Như trên
8	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y gồm: sản xuất, kiểm nghiệm, khảo nghiệm, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y). Mã số TTHC: 1.004734	Như trên
9	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y (gồm: Sản xuất, kiểm nghiệm, khảo nghiệm, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y). Mã số TTHC: 1.004756	Như trên
10	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y. Mã số TTHC: 1.002409	Như trên
11	Kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc thú y nhập khẩu. Mã số TTHC: 1.003703	Như trên
12	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin). Mã số TTHC: 1.002549	Như trên
13	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin). Mã số TTHC: 1.002432	Như trên

14	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin). Mã số TTHC: 1.013809	Như trên
15	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin). Mã số TTHC: 1.013811	Như trên
16	Sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin). Mã số TTHC: 1.013813	Như trên
17	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y. Mã số TTHC: 1.001686	Quyết định số 1080/QĐ-UBND ngày 23/4/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
18	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh. Mã số TTHC: 1.002338	Như trên
19	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y. Mã số TTHC: 1.004839	Như trên
20	Cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp Tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y). Mã số TTHC: 2.001064	Như trên
V	LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐỀ ĐIỀU VÀ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI	
1	Phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ (cấp tỉnh). Mã số TTHC: 1.008409	Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	Điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ (cấp tỉnh). Mã số TTHC: 1.008410	-Như trên-
VI	LĨNH VỰC THỦY LỢI	
1	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Mã số TTHC: 1.004427	Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh

2	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Mã số TTHC: 2.001796	-Nhu trên-
3	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Mã TTHC: 2.001426	-Nhu trên-
4	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. – Mã TTHC: 2.001795	-Nhu trên-
5	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Mã TTHC: 1.003870	-Nhu trên-
6	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Mã TTHC: 1.003921	-Nhu trên-
7	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Mã TTHC: 1.003893	-Nhu trên-
8	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Mã TTHC: 2.001793	-Nhu trên-
9	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Mã số TTHC: 1.004385	-Nhu trên-
10	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Mã số TTHC: 2.001791	-Nhu trên-

11	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Mã số TTHC: 1.003880	-Nhu trên-
12	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Mã số TTHC: 2.001401	-Nhu trên-
13	Phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Mã số TTHC: 1.003211	-Nhu trên-
14	Phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Mã số TTHC: 1.003203	-Nhu trên-
15	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Mã số TTHC: 1.003188	-Nhu trên-
VII	LĨNH VỰC THỦY SẢN	
1	Công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản (cấp tỉnh). Mã số TTHC: 1.004943	Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	Cấp giấy phép nhập khẩu tàu cá Mã số TTHC: 1.004929	-Nhu trên-
3	Cấp phép nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm, Mã số TTHC: 1.004794	-Nhu trên-
4	Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản, Mã số TTHC: 1.004683	-Nhu trên-
5	Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (đối với khu vực biển ngoài 06 hải lý, khu vực biển giáp ranh giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, khu vực biển nằm đồng thời trong và ngoài	-Nhu trên-

	06 hải lý), Mã số TTHC: 1.004678(Cấp mới); Mã số TTHC: 1.004678 – 02(Cấp lại).	
6	Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, có 02 quy trình, Mã số TTHC: 1.004669	-Nhu trên-
7	Công bố mở cảng cá loại I. Mã số TTHC: 1.004654	-Nhu trên-
8	Cấp phép nhập khẩu giống thủy sản không có tên trong Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm, Mã số TTHC: 2.001694	-Nhu trên-
9	Cấp văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm (để mục đích bảo tồn, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu tạo nguồn giống ban đầu hoặc để hợp tác quốc tế) Mã số TTHC: 1.003851	-Nhu trên-
10	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá Mã số TTHC: 1.003741	-Nhu trên-
11	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá Mã số TTHC: 1.003726	-Nhu trên-
12	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá Mã số TTHC: 1.003650 (Thay thế cho TTHC: Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, Mã số TTHC: 1.003650 được ban hành tại Quyết định số 1182/QĐ-UBND ngày 06/05/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa) - Có hiệu lực kể từ ngày 18/7/2025.	-Nhu trên-
13	Công nhận và gia quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai xã trở lên), Mã số TTHC: 1.004923	Quyết định số 1182/QĐ-UBND ngày 06/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
14	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai Cấp huyện trở lên), Mã số TTHC: 1.004921	-Nhu trên-
15	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương	-Nhu trên-

	đưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ), Mã số TTHC: 1.004918	
16	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài), Mã số TTHC: 1.004915	-Nhu trên-
17	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu): Mã số TTHC: 1.004913	-Nhu trên-
18	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá: Mã số TTHC: 1.004697	-Nhu trên-
19	Công bố mở cảng cá loại 2, Mã số TTHC: 1.004694	-Nhu trên-
20	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực, Mã số TTHC: 1.004692	-Nhu trên-
21	Cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trong phạm vi 06 hải lý), Mã số TTHC: 1.004684	-Nhu trên-
22	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng, Mã số TTHC: 1.004680	-Nhu trên-
23	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên, Mã số TTHC: 1.004656	-Nhu trên-
24	Cấp, cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản: Mã số TTHC: 1.004359	-Nhu trên-
25	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển Mã số TTHC: 1.004344	-Nhu trên-
26	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá, Mã số TTHC: 1.004056	-Nhu trên-
27	Cấp Giấy chứng nhận xóa Đăng ký tàu cá, Mã số TTHC: 1.003681	-Nhu trên-
28	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu), Mã số TTHC: 1.003666	-Nhu trên-
29	Cấp lại Giấy chứng nhận Đăng ký tàu cá, Mã số TTHC: 1.003634	-Nhu trên-
30	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá, Mã số TTHC: 1.003586	-Nhu trên-

VIII	LĨNH VỰC BIÊN, HẢI ĐẢO	
1	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu (Mã số TTHC: 1.000705)	Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	Thủ tục hành chính về trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển (Mã TTHC: 1.000942)	-Nhu trên-
3	Thủ tục hành chính về sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển (Mã TTHC: 1.000969)	-Nhu trên-
4	Thủ tục hành chính về gia hạn thời hạn Giao khu vực biển (Mã số TTHC: 1.004935)	-Nhu trên-
5	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua mạng điện tử (Mã TTHC: 1.005181)	-Nhu trên-
6	Thủ tục hành chính về cấp Giấy phép nhận chìm ở biển (Mã TTHC: 1.005189)	-Nhu trên-
7	Thủ tục hành chính về trả lại khu vực biển (Mã TTHC:1.005399)	-Nhu trên-
8	Thủ tục hành chính về sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển (Mã TTHC: 1.005400)	-Nhu trên-
9	Thủ tục hành chính về Giao khu vực biển (Mã số TTHC: 1.005401)	-Nhu trên-
10	Thủ tục hành chính về công nhận khu vực biển (Mã số TTHC: 1.009481)	-Nhu trên-
11	Thủ tục hành chính về cấp lại Giấy phép nhận chìm ở biển (Mã TTHC: 2.000444)	-Nhu trên-
12	Thủ tục hành chính về gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển (Mã số TTHC: 2.000472)	-Nhu trên-
IX	LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM	
1	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp Mã TTHC: 3.000179	Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp do bị mất, bị hỏng Mã số TTHC: 3.000180	-Nhu trên-
3	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức Mã số TTHC: 1.000055	-Nhu trên-
4	Phê duyệt nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế	-Nhu trên-

	Mã số TTHC: 1.007916	
5	Thủ tục Phê duyệt điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý Mã số TTHC trên dịch vụ công:1012687	Quyết định số 1257/QĐ-UBND ngày 15/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
6	Thủ tục Quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác Mã số TTHC trên dịch vụ công:1.012692	-Nhu trên-
7	Thủ tục Quyết định thu hồi rừng đối với tổ chức tự nguyện trả lại rừng Mã số TTHC trên dịch vụ công:1.012691	-Nhu trên-
8	Thủ tục Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức Mã số TTHC trên dịch vụ công:1.012689	-Nhu trên-
9	Thủ tục Quyết định giao rừng cho tổ chức Mã số TTHC trên dịch vụ công:1.012688	-Nhu trên-
10	Thủ tục Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác Mã số TTHC trên dịch vụ công:3.000152	-Nhu trên-
11	Phê duyệt Phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên Mã số TTHC trên dịch vụ công:1.00047	Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
12	Thủ tục Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES Mã số TTHC trên dịch vụ công:1.004815	-Nhu trên-
13	Thủ tục Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng giải trí trong rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý; Mã số TTHC: 1.000084	-Nhu trên-
14	Thủ tục Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng giải trí trong rừng phòng hộ hoặc rừng sản xuất thuộc địa phương quản lý; Mã số TTHC: 1.000081	-Nhu trên-

15	Thủ tục thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư; Mã số TTHC: 1.007918	-Nhu trên-
16	Thủ tục Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh); Mã số TTHC: 1.000058	-Nhu trên-
17	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn; Mã số TTHC: 1011470	Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
18	Thủ tục Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương; Mã số TTHC: 1012921	Quyết định số 1257/QĐ-UBND ngày 15/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
19	Thủ tục Phê duyệt Phương án sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý; Mã số TTHC: 1.012690	-Nhu trên-
20	Thủ tục Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng; Mã số TTHC: 1.012413	-Nhu trên-
21	Thủ tục Công nhận, công nhận lại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp; Mã số TTHC: 3.000198	-Nhu trên-
22	Thủ tục phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh; Mã số TTHC: 1.00071	-Nhu trên-
23	Thủ tục Phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án tự trồng rừng thay thế; Mã số TTHC: 1007916.	-Nhu trên-
24	Thủ tục Xác nhận bảng kê lâm sản: Mã số TTHC trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 1.000045	Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
25	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ Mã số TTHC trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 3.000160	-Nhu trên-
26	Thủ tục Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu: Mã số TTHC trên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 3.000159	Quyết định số 1257/QĐ-UBND ngày 15/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh

X	LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	
1	Công nhận làng nghề truyền thống. Mã số TTHC: 1.003727	Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 26/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	Công nhận nghề truyền thống. Mã số TTHC: 1.003712	-Nhu trên-
3	Công nhận làng nghề. Mã số TTHC: 1.003695	-Nhu trên-
4	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp tỉnh). Mã số TTHC: 1.003397	-Nhu trên-
5	Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu. Mã số TTHC: 1.003524	Quyết định số 1112/QĐ-UBND ngày 26/4/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
6	Kiểm tra nhà nước về an toàn muối nhập khẩu. Mã số TTHC: 1.003486	-Nhu trên-
XI	LĨNH VỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG	
1	Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng cao. Mã số TTHC: 1.011647	Quyết định số 1505/QĐ-UBND ngày 05/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Mã số TTHC: 1.003371	-Nhu trên-
3	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương. Mã số TTHC: 1.003618	-Nhu trên-
4	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành. Mã số TTHC: 1.009478	-Nhu trên-
XII	LĨNH VỰC KHÍ TƯỢNG, THỦY VĂN	
1	Phê duyệt nội dung trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu với tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài không thuộc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên đối với thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu trong địa giới hành chính của tỉnh. Mã số TTHC: 1.013861	Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	Phê duyệt kế hoạch tác động vào thời tiết trong địa giới hành chính của tỉnh. Mã số TTHC: 1.013863	-Nhu trên-
3	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn. Mã TTHC: 1.000987	Quyết định số 923/QĐ-UBND ngày 09/4/2025 của UBND tỉnh
XIII	LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG	

1	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Mã số TTHC: 1.010733	Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	Cấp giấy phép môi trường. Mã số TTHC: 1.010727	-Nhu trên-
3	Cấp đổi giấy phép môi trường. Mã số TTHC: 1.010728	-Nhu trên-
4	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường. Mã số TTHC: 1.010729	-Nhu trên-
5	Cấp lại giấy phép môi trường. Mã số TTHC: 1.010730	-Nhu trên-
XIV	LĨNH VỰC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC	
1	Đăng ký tiếp cận nguồn gen. Mã số TTHC: 1.004160	Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	Cấp giấy phép tiếp cận nguồn gen. Mã số TTHC: 1.004150	-Nhu trên-
3	Gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen. Mã số TTHC: 1.004096	-Nhu trên-
4	Cho phép đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu không vì mục đích thương mại. Mã số TTHC: 1.004117	-Nhu trên-
XV	LĨNH VỰC THUẾ	
1	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải. Mã TTHC: 1.008603	Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với khí thải. Mã TTHC: 1.013040	-Nhu trên-
XVI	LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC	
1	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất. Mã số TTHC: 1.004122	Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất. Mã số TTHC: 2.001738	-Nhu trên-
3	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất. Mã số TTHC: 1.004253	-Nhu trên-
4	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất. Mã số TTHC: 1.012501	-Nhu trên-
5	Chấp thuận nội dung về phương án chuyển nước. Mã số TTHC: 1.012498	-Nhu trên-
6	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền. Mã số TTHC: 1.012505	-Nhu trên-

7	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành. Mã số TTHC: 1.009669	-Nhu trên-
8	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành. Mã số TTHC: 2.001770	-Nhu trên-
9	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. Mã số TTHC: 1.004283	-Nhu trên-
10	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước. Mã số TTHC: 1.012500	-Nhu trên-
11	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm. Mã số TTHC: 1.004232	-Nhu trên-
12	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm. Mã số TTHC: 1.004228	-Nhu trên-
13	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm. Mã số TTHC: 1.004223	-Nhu trên-
14	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm. Mã số TTHC: 1.004211	-Nhu trên-
15	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 và các trường hợp quy định tại điểm c, d, đ, e khoản 4 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025). Mã số TTHC: 1.004179	-Nhu trên-
16	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển. Mã số TTHC: 1.004167	-Nhu trên-
17	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước. Mã số TTHC: 1.011518	-Nhu trên-
18	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước. Mã số TTHC: 1.000824	-Nhu trên-
19	Lấy ý kiến đối với công trình khai thác nguồn nước. Mã số TTHC: 1.013799	-Nhu trên-
XVII	LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN, THỦY SẢN	
1	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản. Mã số TTHC: 2.001827	Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh

2	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Mã hồ sơ TTHC: 2.001730	-Nhu trên-
3	Sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Mã hồ sơ TTHC: 2.001726	-Nhu trên-
4	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước. Mã hồ sơ TTHC: 1.003111	-Nhu trên-
5	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005. Mã hồ sơ TTHC: 1.003082	-Nhu trên-
6	Gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước. Mã hồ sơ TTHC: 1.003058	-Nhu trên-
7	Thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước. Mã hồ sơ TTHC: 2.001254	-Nhu trên-
8	Miễn kiểm tra giám sát cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm. Mã hồ sơ TTHC: 1.002996	-Nhu trên-
B	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ	
I	LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐỀ ĐIỀU VÀ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI	
1	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội. Mã số TTHC: 1.010091	Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội. Mã số TTHC: 1.010092	-Nhu trên-
II	LĨNH VỰC THỦY LỢI	
1	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp. Mã số TTHC: 1.013768	Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã. Mã số TTHC: 1.003347	-Nhu trên-

3	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp. Mã số TTHC: 2.001627	-Nhu trên-
4	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã. Mã số TTHC: 1.003471	-Nhu trên-
III	LĨNH VỰC BIỂN HẢI ĐẢO	
1	Thủ tục hành chính về Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản. Mã số TTHC: 3.000439	Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	Thủ tục hành chính về gia hạn thời hạn Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản (Mã số TTHC: 3.000440)	-Nhu trên-
3	Thủ tục hành chính về trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản. Mã số TTHC: 3.000441	-Nhu trên-
4	Thủ tục hành chính về sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản (Mã số TTHC: 3.000442)	-Nhu trên-
5	Thủ tục hành chính về công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản. Mã số TTHC : 3.000443	-Nhu trên-
IV	LĨNH VỰC CHĂN NUÔI	
1	Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitơ lỏng, gang tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò). Mã số TTHC: 1.012836	Quyết định số 1192/QĐ-UBND ngày 07/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước. Mã số TTHC: 1.012837	-Nhu trên-
V	LĨNH VỰC THÚ Y	
1	Hỗ trợ khôi phục vùng sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh (lĩnh vực Quản lý dê điều và Phòng, chống thiên tai). Mã số TTHC: 2.0001262	Quyết định số 2313/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
VI	LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM	

1	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân. Mã số TTHC: 1.012694	Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái. Mã số TTHC: 3.000250	-N như trên-
3	Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công. Mã số TTHC: 1.007919	-N như trên-
4	Thủ tục Quyết định giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư. Mã số TTHC: 1.012693	Quyết định số 1257/QĐ-UBND ngày 15/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
5	Thủ tục Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã. Mã số TTHC: 1011471	Quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
VII	LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG	
1	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường. Mã số TTHC: 1.010736	Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
VIII	LĨNH VỰC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC	
1	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích. Mã số TTHC: 1.004082	Quyết định số 1078/QĐ-UBND ngày 23/4/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
IX	LĨNH VỰC THUẾ	
1	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải. Mã số TTHC: 1.008603	Quyết định số 1852/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với khí thải. Mã số TTHC: 1.013040	-N như trên-
X	LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC	
1	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất. Mã số TTHC: 1.001662	Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
XI	LĨNH VỰC THỦY SẢN	
1	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý). Mã số TTHC: 1.003956	Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh

2	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý). Mã số TTHC: 1.004498	-Nhu trên-
3	Công bố mở cảng cá loại III. Mã số TTHC: 1.004478	-Nhu trên-
XII	LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PTNT	
1	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã). Mã số TTHC: 1.003434	Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 26/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
XIII	LĨNH VỰC GIÁM NGHÈO	
1	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm. Mã số TTHC: 1.011606	Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 05/5/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh
2	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình. Mã số TTHC: 1.011609	-Nhu trên-
3	Công nhận người lao động có thu nhập thấp. Mã số TTHC: 3.000412	-Nhu trên-
XIV	LĨNH VỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG	
1	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã). Mã số TTHC: 1.003596	Quyết định số 1505/QĐ-UBND ngày 05/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh